SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

CÔNG BỐ THÔNG TIN DANH MỤC CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CỦA CHỈ SỐ VNFINSELECT

Kỳ tháng 10/2026

Stt	Mã cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	5,804,421,957	85%	100.00%	
2	AGR	CTCP Chứng khoán Agribank	242,010,482	30%	100.00%	
3	APG	CTCP Chứng khoán APG	223,621,942	75%	100.00%	
4	BIC	Tổng CTCP Bảo Hiểm NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam	202,067,057	15%	100.00%	
5	BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7,778,229,473	6%	100.00%	
6	BMI	Tổng CTCP Bảo Minh	150,547,626	30%	100.00%	
7	BSI	CTCP Chứng khoán BIDV	269,901,549	14%	100.00%	
8	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	742,322,764	10%	100.00%	
9	CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	7,766,944,637	15%	100.00%	
10	CTS	CTCP Chứng khoán VIETINBANK	272,244,939	25%	100.00%	
11	DSE	CTCP Chứng khoán DNSE	428,249,806	25%	100.00%	
12	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1,862,720,607	80%	100.00%	
13	EVF	Công ty Tài chính tổng hợp Cổ phần Điện lực	760,565,802	95%	100.00%	
14	FIT	CTCP Tập đoàn F.I.T	339,933,034	70%	100.00%	
15	FTS	CTCP Chứng khoán FPT	380,915,795	40%	100.00%	
16	HCM	CTCP Chứng khoán TPHCM	1,371,945,838	55%	100.00%	
17	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	6,506,859,219	80%	100.00%	
18	LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	2,987,282,100	85%	100.00%	
19	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	10,068,749,885	50%	100.00%	
20	MIG	Tổng CTCP Bảo hiểm Quân đội	211,503,463	25%	100.00%	
21	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	3,744,000,000	65%	100.00%	
22	NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	2,058,822,282	85%	100.00%	
23	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	3,062,510,126	35%	100.00%	
24	OGC	CTCP Tập đoàn Đại Dương	299,999,999	45%	100.00%	
25	ORS	CTCP Chứng khoán Tiên Phong	623,930,904	50%	100.00%	
26	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	5,053,074,221	75%	100.00%	
27	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	3,428,800,000	55%	100.00%	
28	SSI	CTCP Chứng khoán SSI	3,001,302,333	70%	100.00%	
29	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc	1,885,215,716	95%	100.00%	
30	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	10,629,360,621	55%	100.00%	
31	TCI	CTCP Chứng khoán Thành Công	115,620,964	30%	100.00%	
32	TCX	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	3,329,339,823	15%	100.00%	
33	TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	3,190,134,896	50%	100.00%	
34	TVS	CTCP Chứng khoán Thiên Việt	244,643,477	45%	100.00%	
35	VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á	902,075,041	85%	100.00%	
36	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	8,355,675,094	11%	100.00%	
37	VCI	CTCP Chứng khoán Vietcap	1,152,231,925	75%	100.00%	
38	VCK	CTCP Chứng khoán VPS	2,434,919,704	25%	100.00%	
39	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	299,200,000	40%	100.00%	
40	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	3,735,386,252	60%	100.00%	
41	VIX	CTCP Chứng khoán VIX	2,572,788,533	100%	100.00%	
42	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	1,522,299,908	75%	100.00%	
43	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	10,000,000,000	55%	100.00%	
44	VPX	CTCP Chứng khoán VPBANK	1,875,000,000	20%	100.00%	